

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 - 2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Thiên Lương và bà Bùi Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Tất Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang chấp hành án tại Đội 12, Phân đội 2, Trại Giam B1 (Địa chỉ: Xã B, Thị xã H, Tỉnh Thừa Thiên Huế). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2024, bản tự khai ngày 05/11/2024 nguyên đơn anh Phan Tất Đ trình bày: Vào năm 2000 anh từ Hà Tĩnh vào Quảng Bình làm đường mòn Hồ Chí M tại địa phận Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Quá trình làm ở đây anh quen biết chị Nguyễn Thị T, sau một thời gian tìm hiểu và yêu nhau khoảng 02 năm. Đến năm 2002 thì hai bên tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 21/3/2003 và có tổ chức lễ cưới cả hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nội tại thôn H, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau khi sinh con thứ hai được khoảng một năm (vào khoảng năm 2006) thì giữa vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi vã nặng nề với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm, hai bên không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2007 chị Nguyễn Thị Thúy B về nhà bố mẹ đẻ, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Thời gian vừa qua anh có nghe thông tin chị T phạm tội: “Môi giới mại dâm” bị kết án tù và hiện tại đang chấp hành án tại Đội 12, Phân đội 2, Trại Giam B (Địa chỉ: xã B, Thị xã H, Tỉnh Thừa Thiên Huế). Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên anh có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì điều kiện ở xa việc đi lại khó khăn anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung với nhau tên là Phan Nguyễn Tất H, sinh năm 2003 và con thứ hai Phan Nguyễn Tất H1, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị T biết.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế trực tiếp lấy lời khai của chị T tại Trại giam B1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian chờ kết quả xác minh Ngày 02/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã trực tiếp đến tại trụ sở Công an xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình và đã được Công an xã xác nhận thông tin cụ thể: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 đang có hộ khẩu thường trú cùng hộ bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ) tại thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình, cùng con trai của chị T là anh Phan Nguyễn Tất H, sinh ngày 20/8/2003, còn anh Phan Nguyễn Tất H1 không có hộ khẩu tại thôn T, xã H. Hiện tại chị T không có mặt tại địa phương, hiện chị T đang đi chấp hành án tại Trại giam B1, tỉnh Thừa Thiên Huế, về tội: “Môi giới mại dâm”.

Cùng ngày Tòa án nhân dân huyện T đã xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị T) và được bà L cung cấp thông tin:

Chị T và anh Đ tìm hiểu đến với nhau tự nguyện không bị ai ép buộc, chị T quen anh Đ vào thời điểm anh Đ làm công nhân đường mòn Hồ Chí Minh tại thôn T nên đã tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 20/3/2003, có tổ chức cưới tại gia đình nữ. Sau đó chị T làm dâu tại gia đình nội ở phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không biết vì chị T sống với gia đình nội, gia đình sau đó có can thiệp nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ 2007 cho đến nay, hai bên không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Sau khi ly thân chị T đi làm ăn tại Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình còn công việc cụ thể gia đình không biết. Đến năm 2023 chị T phạm tội bị bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 3 năm 6 tháng tù, còn phạm tội gì bà không rõ vì gia đình không nhận được bất kỳ loại giấy tờ nào của cơ quan tư pháp. Nay anh Đ làm đơn ly hôn chị T thì bà không có ý kiến gì tùy thuộc vào anh Đ và chị T quyết định. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung với nhau tên là Phan Nguyễn Tất H, sinh năm 2003 và con thứ hai Phan

Nguyễn Tất H1, sinh năm 2005. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành trên 18 uổi, cháu lớn Phan Nguyễn Tất H sau khi xuất ngũ đã về địa phương sinh sống với gia đình bà, còn cháu Phan Nguyễn Tất H1 hiện đang đi nghĩa vụ tại Hà Tĩnh. Về tài sản và nợ chung theo bà L cho biết vợ chồng không có tài sản và nợ chung.

Ngày 22/01/2025 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế: Tại bản tự khai ngày 16/01/2025 chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phan Tất Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 21 tháng 3 năm 2003, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, bình thường đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau, sau đó chị T về quê ngoại sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh Đ làm đơn ly hôn thì chị T đồng ý. Hiện chị đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam B1, tỉnh Thừa Thiên Huế với thời gian 3 năm 6 tháng nên không thể về tham dự phiên tòa được, chị T có đơn đề nghị Tòa án xé xữ vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung theo chị T trình bày: Vợ chồng có 02 con chung với nhau tên là Phan Nguyễn Tất H, sinh năm 2003 và con thứ hai Phan Nguyễn Tất H1, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đến trước thời điểm nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có mặt, chị T vắng mặt. Nhưng theo kết quả ủy thác chị T đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị T. Về con chung: Có hai con chung là Phan Nguyễn Tất H, sinh năm 2003 và con thứ hai Phan Nguyễn Tất H1, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ và chị T trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Phan Tất Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với nguyên đơn và bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Đ đến tại Tòa án để nộp đơn khởi kiện ly hôn, sau đó có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án còn chị T vắng mặt. Sau khi ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế thì chị T trình bày ý kiến nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh nhưng vì lý do đang chấp hành án nên không thể tham gia các buổi hòa giải do Tòa án triệu tập nên đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn thì anh Đ và chị T kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 21/3/2003, do đó hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra các cuộc cãi vã và làm cho mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2006 cho đến nay, hai bên bỏ mặc không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là tên là Phan Nguyễn Tất H, sinh năm 2003 và con thứ hai Phan Nguyễn Tất H1, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết và tại các bản tự khai anh Đ và chị T trình bày vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 235, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của Phan Tất Đ và chị Nguyễn Thị T.
2. Xử cho anh Phan Tất Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
3. Về con chung: Hiện cháu Phan Nguyễn Tất H và cháu Phan Nguyễn Tất H1 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét
4. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Tất Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000140 ngày 11/10/2024 (anh Đ đã nộp đủ án phí).
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phan Tất Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Hương Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy

